

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN
Bản án số: 65/2021/HS-ST
Ngày 16/9/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền

2. Ông Nông Văn Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2021/HSST, ngày 30 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Nông Văn L, sinh ngày 31/5/1965; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn M (đã chết); con bà Trương Thị T; Có vợ là Đào Thị H và có 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/5/2021 đến ngày 19/8/2021 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn và áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại: Ông Lê Hồng C sinh năm 1980 (vắng mặt); Trú tại: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị H sinh năm 1967 (có mặt); Trú tại: thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Văn L được nhận thừa kế 4.748m² đất, gồm 01 thửa đất ở diện tích 400m²; 03 thửa đất màu tổng diện tích 900m²; 07 thửa đất lúa tổng diện tích 3.448m² của bố đẻ là ông Nông Văn M tại xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (ông M đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/12/1993). Năm 2004 khi được thông báo về việc thu hồi đất để thực hiện công trình đường và đê bao chống lũ thuộc dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực Bắc Sông Cầu - thị xã Bắc Kạn (gói thầu số 02), gia đình Nông Văn L thống nhất giao cho bà Đào Thị H (là vợ của Nông Văn L) đứng tên thực hiện các thủ tục kê khai, thống kê và nhận tiền bồi thường.

Ngày 22/03/2005, hộ gia đình bà Đào Thị H, Nông Văn L cùng các cơ quan liên quan đã thống kê đất đai, tài sản, cây cối hoa màu nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường và đê bao chống lũ thuộc dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực Bắc Sông Cầu - thị xã Bắc Kạn (gói thầu số 02), xác định tổng diện tích thu hồi là 1334m² đất màu thuộc thửa số 115 tờ bản đồ hiện trạng số 02. Trong đó: 850m² đất màu gồm 02 thửa đất màu tiếp giáp nhau là thửa có diện tích 500m² và thửa có diện tích 350m² trong Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Nông Văn M và 484m² đất màu gia đình tự khai phá chưa có Giấy chứng nhận QSDĐ. Phần đất màu diện tích 1334m² này không tiếp giáp với các thửa đất khác trong Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Nông Văn M. Ngày 30/11/2005 UBND thị xã Bắc Kạn ban hành Quyết định số 1065/QĐ-UBND về việc thu hồi 1334m² đất màu của hộ gia đình bà Đào Thị H. Ngày 22/12/2005 UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Quyết định số 3265/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng. Trong đó hộ bà Đào Thị H được bồi thường với tổng số tiền là 47.299.500đ (đất đai là 46.690.000đ; cây cối hoa màu: 609.500đ). Ngày 19/01/2006, bà Đào Thị H đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường trên.

Do thay đổi hướng tuyến, ngày 11/01/2007, UBND thị xã Bắc Kạn ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND về việc thu hồi 1319m² đất màu của hộ gia đình bà Đào Thị H. Ngày 11/01/2007 UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường giải phóng mặt bằng. Trong đó hộ bà H được bồi thường với tổng số tiền là 55.324.500đ (đất đai là 46.690.000đ; cây cối hoa màu: 609.500đ; ổn định sản xuất: 2.025.000đ; chuyển đổi nghề: 6.000.000đ). Ngày 02/02/2007 bà H đã nhận thêm số tiền 8.025.000đ. Sau khi nhận đủ số tiền đền bù, hộ gia đình bà Đào Thị H, Nông Văn L không có thắc mắc, khiếu nại gì. Theo số liệu thống kê và số liệu trong quyết định thu hồi thì hộ gia đình bà Đào Thị H còn lại diện tích 15m² đất màu sau khi bị thu hồi, tuy nhiên hộ gia đình bà Đào Thị H không có văn bản đề nghị và cũng không có cơ quan nào xác định vị trí, ranh giới phần đất màu còn lại có diện tích 15m² nêu trên.

Năm 2011 gia đình bà Đào Thị H, Nông Văn L có đơn xin cải tạo đất vườn được UBND xã D, thị xã Bắc Kạn xác nhận nên gia đình đã đổ đất cải tạo lại phần diện tích đã bị thu hồi vào công trình đường và đê bao chống lũ thuộc dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực Bắc Sông Cầu - thị xã Bắc Kạn (gói thầu số 02) với mục đích để phục vụ canh tác và làm nơi sản xuất gạch Ba Banh. Căn cứ bản đồ hiện trạng ngày 13/4/2021 thể hiện phần diện tích gia đình Nông Văn L đã đổ đất, cải tạo thuộc phần diện tích của hộ Nông Văn L, hộ bà Nguyễn Thị T1 và một phần diện tích của hộ ông Trương Văn C1.

Vào khoảng cuối năm 2015, đầu năm 2016, ông Lê Hồng C mua của ông Trương Văn C1 một mảnh đất ở khu vực Nhà văn hóa thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi mua đất của ông C1, ông Lê Hồng C thấy phần diện tích đất tiếp giáp bên cạnh đang được gia đình Nông Văn L sử dụng để đổ các loại nguyên vật liệu sản xuất gạch Ba Banh. Do muốn có thửa đất rộng hơn nên ông Lê Hồng C đã gặp và hỏi mua của Nông Văn L thửa đất liền kề với thửa đất đã mua với ông Trương Văn C1 trước đó. Mặc dù đây là thửa đất trước đó của gia

đình ông Trương Văn C1 đã bị Nhà nước thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng, không phải đất của gia đình mình, nhưng Nông Văn L đã đưa ra thông tin gian dối, nói với ông C đây là đất của gia đình mình, không tranh chấp với ai và đồng ý bán cho ông C với giá 330.000.000đ (*ba trăm ba mươi triệu đồng*). Ngày 17/01/2016, tại gia đình ông C ở Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Nông Văn L và ông Lê Hồng C đã lập “Giấy nhận tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất vườn” với nội dung Nông Văn L bán cho ông C mảnh đất tại đường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (vị trí, kích thước: mặt đường P 6m sâu 32m) với giá 330.000.000đ, ông C trả trước cho Nông Văn L số tiền 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*), còn lại 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng*) ông C sẽ trả nốt cho Nông Văn L sau khi Nhà nước cấp lại sổ đỏ và hai bên sẽ làm thủ tục chuyển nhượng cho nhau.

Căn cứ kết quả kiểm tra thực địa ngày 12/4/2021 và bản đồ hiện trạng ngày 13/4/2021, thì thửa đất mà Nông Văn L đã bán cho ông Lê Hồng C với số tiền 330.000.000đ ở khu vực nhà văn hóa thôn P thuộc thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn trước đây là của gia đình ông Trương Văn C1, có tổng diện tích là 187,6m² (trong đó có 143,1m² Nhà nước đã thu hồi, ông C1 đã được nhận tiền đền bù thu hồi đất, còn lại 44,5m² vẫn thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Trương Văn C1.

Quá trình điều tra, truy tố Nông Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố là thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. *Tại Cáo trạng số 47/CT-VKSTPBK ngày 27/8/2021 của VKSND thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo Nông Văn L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và tại bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:*

*Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn L phạm tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

- Áp dụng: Điều a khoản 3, khoản 5 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

+Xử phạt: Bị cáo Nông Văn L từ 30 (ba mươi) tháng tù đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến 15.000.000đ (mười năm triệu đồng).

- Tạm giữ số tiền: 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng) để thi hành án cho bị cáo.

*Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng, mong Hội đồng xét xử xem xét xử với mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận: Khoảng cuối năm 2015, đầu năm 2016 khi được ông Lê Hồng C trao đổi hỏi mua thửa đất liền kề với thửa đất trước đó ông C đã mua của ông Trương Văn C1, ở khu vực nhà văn hóa thôn P thuộc thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Mặc dù đây là thửa đất trước đó của gia đình ông Trương Văn C1 (tổng diện tích 187,6m², trong đó Nhà nước đã thu hồi đền bù cho ông C1 143,1 m², còn lại 44,5m² vẫn thuộc quyền sử dụng của gia đình ông C1), không phải đất của gia đình mình, nhưng Nông Văn L đã đưa ra thông tin gian dối, nói với ông C đây là đất của gia đình mình, không tranh chấp với ai và bán cho ông C với giá 330.000.000đ (*ba trăm ba mươi triệu đồng*). Ngày 17/01/2016, tại gia đình ông C ở Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Nông Văn L và ông Lê Hồng C đã lập “Giấy nhận tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất vườn” với nội dung Nông Văn L bán cho ông C mảnh đất tại đường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (vị trí, kích thước: mặt đường P 6m sâu 32m) với giá 330.000.000đ (*ba trăm ba mươi triệu đồng*), ông C trả trước cho Nông Văn L số tiền 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*), còn lại 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng*) ông C sẽ trả nốt cho Nông Văn L sau khi Nhà nước cấp lại sổ đỏ và hai bên sẽ làm thủ tục chuyển nhượng cho nhau. Sau khi nhận số tiền đặt cọc 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*) của ông C, Nông Văn L đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân, không thực hiện việc giao đất và làm các thủ tục sang tên, chuyển nhượng đất cho ông C. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[3] Hành vi nêu trên của Nông Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm, hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”

Cáo trạng số 47/CT-VKSTPBK, ngày 27/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, phải được xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là: Người phạm tội bồi thường thiệt hại; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có bố, mẹ để được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến; Bị cáo tự nguyện nộp số tiền 10.200.000 đồng để thi hành án. Xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu nên khi xem xét lượng hình cần áp dụng điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định và tạo điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đảm bảo sự công bằng và khoan hồng của pháp luật.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định của pháp luật.

- Số tiền 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng) gia đình bị cáo tự nguyện nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, Cần tạm giữ để thi hành án cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn L phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

*Áp dụng: điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

-Xử phạt: Bị cáo Nông Văn L 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nông Văn L 10.000.000đ (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Tạm giữ số tiền 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng) để thi hành án cho bị cáo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nông Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND thành phố Bắc Kạn (01b);
- Công an thành phố Bắc Kạn (02b);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn (Khi án có hiệu lực - 01b);
- Sở Tư pháp;
- Người tham gia tố tụng (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tư